

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Quý 3 năm 2009

Đơn vị tính : Đồng VN

Chỉ tiêu	Mã số	Quý 3		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 3	
		2009	2008	2009	2008
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	118.876.335.930	34.085.436.063	257.643.906.615	154.574.933.183
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	127.213.119	7.485.842	971.167.082	266.243.751
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	118.749.122.811	34.077.950.221	256.672.739.533	154.308.689.432
4. Giá vốn hàng bán	11	81.264.143.880	18.799.843.480	163.180.607.763	93.249.568.903
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	37.484.978.931	15.278.106.741	93.492.131.770	61.059.120.529
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	1.385.481.138	2.170.553.701	4.223.920.034	4.585.595.624
7. Chi phí tài chính	22	(7.183.208.333)	119.840.312	(7.183.208.333)	307.949.750
Trong đó : - Chi phí lãi vay	23	16.791.667	119.840.312	16.791.667	307.949.750
8. Chi phí bán hàng	24	17.634.399.411	7.470.576.351	41.071.773.606	29.534.501.555
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	4.895.170.631	3.968.068.819	13.587.543.070	11.912.244.403
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	23.524.098.360	5.890.174.960	50.239.943.461	23.890.020.445
11 Thu nhập khác	31	64.065.112	241.051.312	239.821.207	291.148.695
12 Chi phí khác	32	-	200.000	7.340.000	600.000
13 Lợi nhuận khác	40	64.065.112	240.851.312	232.481.207	290.548.695
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	23.588.163.472	6.131.026.272	50.472.424.668	24.180.569.140
15 Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	3.224.831.616	540.181.414	8.350.804.699	2.260.238.583
16 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	-	-	-	3.449.326
17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	20.363.331.856	5.590.844.858	42.121.619.969	21.916.881.231
18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	2.486	683	5.143	2.684

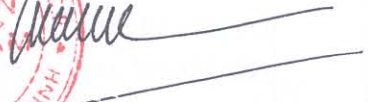
Ngày 20 tháng 10 năm 2009

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



Hò Thị Hải Vân

Nguyễn Thị Minh Tâm

Trương Đức Vọng